

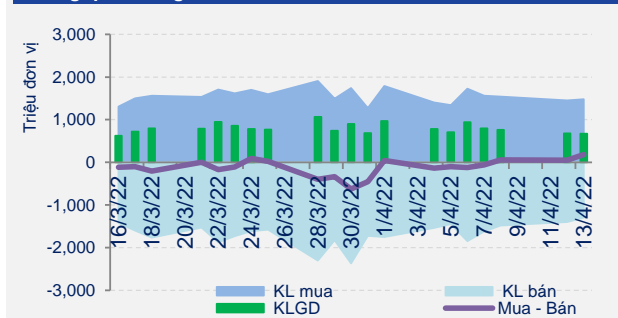
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 13/4/2022

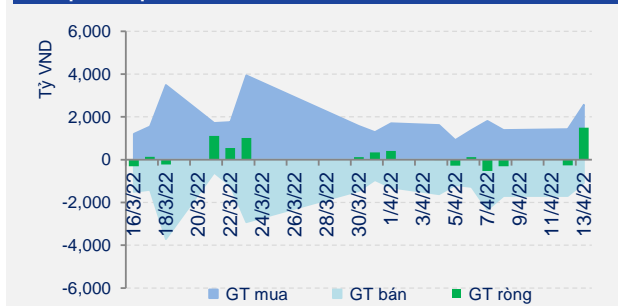
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,477.20	427.45
% Thay đổi	↑ 1.51%	↑ 1.53%
KLGD (CP)	674,791,322	90,614,579
GTGD (tỷ đồng)	22,062.36	2,691.58
Tổng cung (CP)	1,297,691,700	100,984,900
Tổng cầu (CP)	1,480,786,900	111,564,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	24,410,600	367,900
KL mua (CP)	37,694,800	2,070,000
GT mua (tỷ đồng)	2,575.03	70.51
GT bán (tỷ đồng)	1,084.24	11.37
GT ròng (tỷ đồng)	1,490.80	59.13

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 4.45%	24.1	4.2	2.4%
Công nghiệp	↑ 2.35%	22.7	3.2	13.6%
Dầu khí	↑ 1.01%	17.9	2.0	2.2%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 1.41%	-	20.2	11.7%
Dược phẩm và Y tế	↑ 1.21%	15.8	2.5	0.6%
Hàng Tiêu dùng	↑ 1.03%	19.1	3.6	9.6%
Ngân hàng	↑ 0.82%	12.1	2.3	10.9%
Nguyên vật liệu	↑ 2.39%	10.1	2.5	15.4%
Tài chính	↑ 1.90%	21.2	3.1	31.7%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 0.86%	17.5	2.7	2.0%
VN - Index	↑ 1.51%	17.1	3.8	
HNX - Index	↑ 1.53%	20.6	3.5	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường có một nhịp test lại vùng hỗ trợ trong khoảng 1.425-1.450 điểm (đáy tháng 3/2022) rồi bật lên khá tốt. Tuy nhiên, thanh khoản trong phiên hôm nay lại không thực sự thuyết phục khi còn thấp hơn phiên trước đó và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên. Cụ thể, VN-Index tăng 21,95 điểm (+1,51%) lên 1.477,2 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về tích cực với 331 mã tăng (17 mã tăng trần), 47 mã tham chiếu, 126 mã giảm (7 mã giảm sàn). Các cổ phiếu vốn hóa lớn là trụ cột của thị trường có sự quay trở lại trong phiên hôm nay để hỗ trợ thị trường chung với nhiều mã tăng mạnh như BVH (+5,5%), TPB (+5,1%), FPT (+4,8%), GVR (+4,5%), PNJ (+3,2%), VRE (+2,4%), MWG (+2,3%), NVL (+1,8%), SSI (+1,8%), STB (+1,8%)... Nhóm VN30 (+1,21%) kết phiên với 27/30 mã tăng giá. Cổ phiếu ngân hàng sau phiên giảm sâu hôm qua đã đồng loạt hồi phục trở lại khi dòng tiền đổ vào nhóm này với SHB (+3,2%), LPB (+2,3%), STB (+1,8%), VIB (+1,8%), CTG (+1,6%), MBB (+1,1%), EIB (+1,1%)... Cổ phiếu chứng khoán cũng có một phiên hồi phục tốt với API (+10%), VND (+7%) tăng trần; APS (+6,1%), AAS (+5,6%), TVB (+4,4%), BVS (+4,4%), MBS (+4,3%), VIG (+4,2%), VIX (+4,1%)... Đà tăng cũng được lan tỏa sang các nhóm ngành khác như dầu khí, thép, cao su, bất động sản khu công nghiệp... khiến cho giao dịch trên thị trường càng trở nên tích cực. Nhóm cổ phiếu họ FLC bắt đầu được "giải cứu" từ sàn lên giá đỏ như FLC (-2,7%), ROS (-3%), từ sàn lên giá xanh như HAI (+1,3%), ART (+1,4%), thậm chí từ sàn lên trần như KLF (+8,3%).

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Vùng hỗ trợ trong khoảng 1.425-1.450 điểm tiếp tục hỗ trợ thành công thị trường lần thứ ba liên tiếp kể từ đầu năm đến nay (2 lần trước đó là vào tháng 1 và tháng 3). Khối ngoại cũng mua ròng với khoảng 1.500 tỷ đồng trên cả hai sàn để hỗ trợ cho chỉ số. Chỉ có một điểm trừ là thanh khoản khớp lệnh của thị trường đã giảm nhẹ so với phiên trước đó và là phiên thứ tư liên tiếp thấp hơn mức trung bình 20 phiên gần nhất. Điều này cho thấy nhà đầu tư vẫn đang khá dè dặt trong việc giải ngân ở thời điểm hiện tại. Phía trước thị trường là ngưỡng kháng cự gần nhất quanh 1.490 điểm (MA20-50) có thể được thử thách trong phiên giao dịch tiếp theo 14/4 và những rung lắc có thể diễn ra tại đây. Các nhà đầu tư đã tiến hành mua vào trong phiên hôm nay khi thị trường test vùng hỗ trợ 1.425-1.450 điểm có thể tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại và cân nhắc gia tăng tỷ trọng nếu thị trường điều chỉnh về vùng hỗ trợ kể trên một lần nữa.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 13/4/2022

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giao dịch với sắc xanh trong gần như toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và được duy trì cho đến hết phiên giúp chỉ số kết phiên ở mức cao nhất. Cũng có thời điểm, chỉ số điều chỉnh về sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.448,52 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 21,95 điểm (+1,51%) lên 1.477,2 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: GVR tăng 1.500 đồng, FPT tăng 5.300 đồng, VIC tăng 900 đồng. Ở chiều ngược lại, HVN giảm 150 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index giảm điểm trong phiên giao dịch sáng, với mức thấp nhất trong phiên tại 415,05 điểm. Về chiều, lực cầu gia tăng giúp chỉ số lấy lại sắc xanh và đà tăng sau đó mạnh dần, với mức cao nhất trong phiên tại 427,52 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 6,44 điểm (+1,53%) lên 427,45 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: THD tăng 1.200 đồng, CEO tăng 2.500 đồng, IDJ tăng 2.500 đồng. Ở chiều ngược lại, KSF giảm 700 đồng.

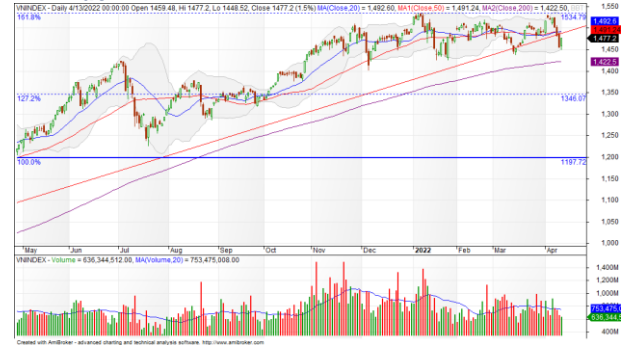
GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 1.490,8 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 12,3 triệu cổ phiếu. MWG là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 1.499 tỷ đồng tương ứng với 9,4 triệu cổ phiếu, tiếp theo là GEX với 87,2 tỷ đồng tương ứng với 2,4 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VHM là mã bị bán ròng nhiều nhất với 94,4 tỷ đồng tương ứng với 1,3 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 59,27 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 1,7 triệu cổ phiếu. SHS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 43,6 tỷ đồng tương ứng với 1,1 triệu cổ phiếu, tiếp theo là PVS với 14,7 tỷ đồng tương ứng với 477 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, THD là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 1,5 tỷ đồng tương ứng với 9,3 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index hồi phục khá tốt trong phiên hôm nay với thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và tiếp tục mức trung bình 20 phiên gần đây. Kết hợp với diễn biến trong phiên hôm nay thì có thể thấy là lực cầu bắt đáy đã xuất hiện ở vùng hỗ trợ nhưng nhà đầu tư vẫn đang khá dè dặt tham gia thị trường thời điểm hiện tại.

Áp dụng lý thuyết sóng Elliott trên biểu đồ kỹ thuật thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên hồi phục hôm nay (+1,51%) thì xu hướng tăng của chỉ số VN-Index vẫn chưa có gì thay đổi khi mà chỉ số này vẫn đang nằm dưới các ngưỡng kháng cự lần lượt 1.490 điểm (MA20-50) và xa hơn là ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 14/4, VN-Index có thể sẽ tiếp tục hồi phục để hướng đến ngưỡng kháng cự tiếp theo quanh 1.490 điểm (MA20-50) và những rung lắc có thể diễn ra tại đây.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán quay trở lại thì chỉ số VN-Index có thể sẽ điều chỉnh về các ngưỡng hỗ trợ thấp hơn để tìm kiếm lực cầu bắt đáy.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Standard Chartered: Đà phục hồi của Việt Nam sẽ mạnh hơn trong quý 2

Theo báo cáo của Standard Chartered, Việt Nam vẫn là 1 trung tâm sản xuất và mất xích quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu mặc cho thách thức liên quan đến căng thẳng địa chính trị và dịch bệnh.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước tăng	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 69,15 - 69,75 triệu đồng/lượng, tăng 350.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 150.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm không đổi	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 13/4 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.108 VND/USD, không đổi so với hôm qua.

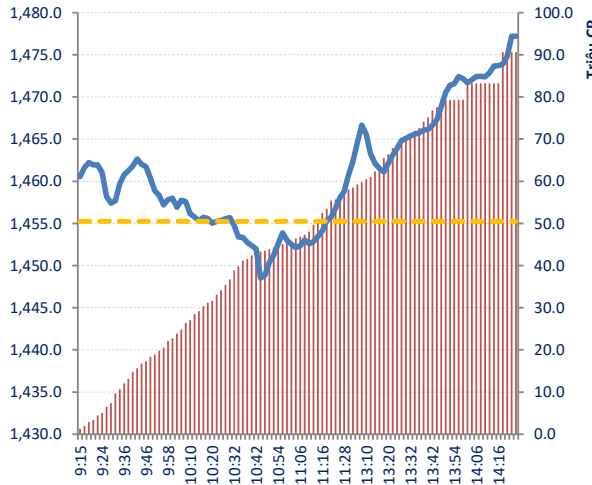
TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 0,7 USD/ounce tương ứng với 0,04% xuống 1.975,4 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,123 điểm tương ứng 0,12% lên 100,415 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,0830 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3001 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 126,18 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,07 USD/thùng tương ứng với 0,07% lên 100,67 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ giảm điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 12/4, Dow Jones giảm 87,72 điểm tương ứng với 0,26% xuống 34.220,36 điểm. Nasdaq giảm 40,38 điểm tương đương 0,3% xuống 13.371,57 điểm. S&P 500 giảm 15,08 điểm tương đương 0,34% xuống 4.397,45 điểm.

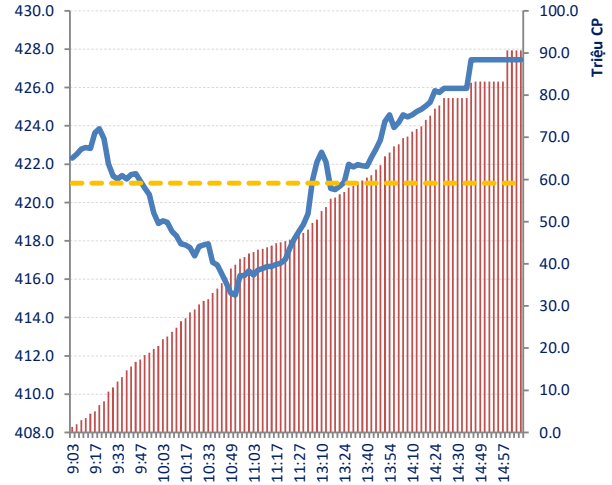


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

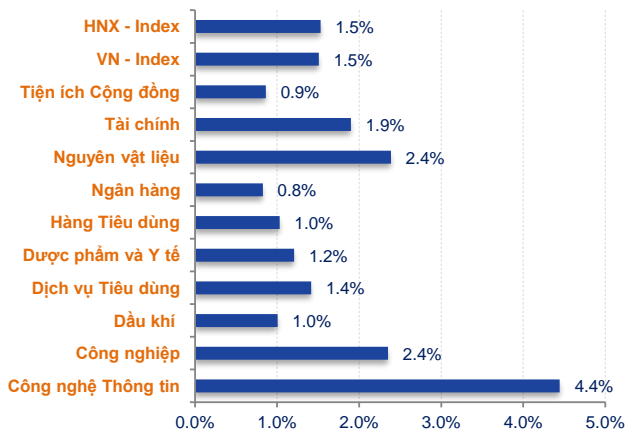
KLGD và VN-Index trong phiên



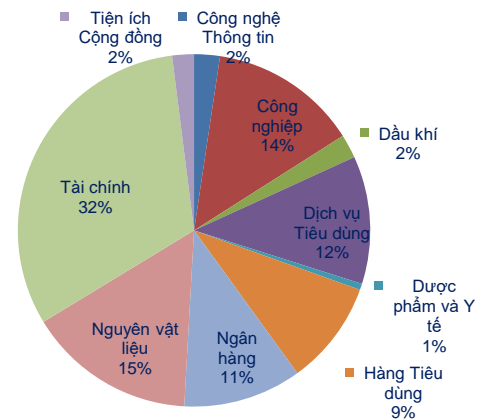
KLGD và HNX-Index trong phiên



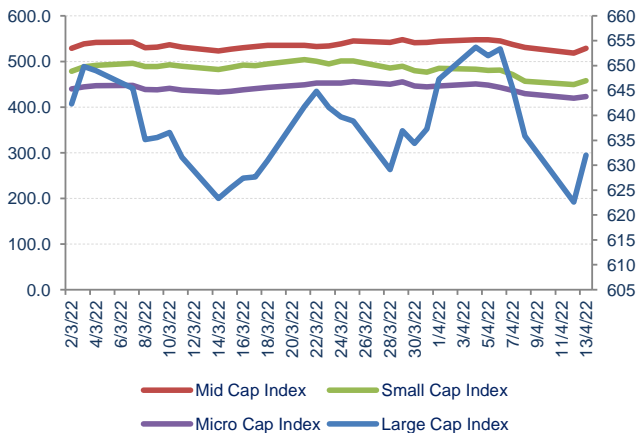
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



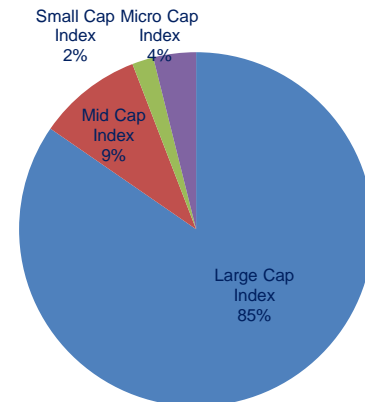
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MWG	9,387,500	VHM	1,297,300
2	GEX	2,444,300	HPG	1,035,100
3	GMD	868,600	HCM	609,300
4	VIC	779,500	VHC	440,600
5	HQC	750,300	GEG	415,800

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHS	1,149,300	HMH	18,900
2	PVS	477,400	NVB	16,900
3	TVD	56,500	KLF	14,000
4	PVI	29,000	KVC	11,500
5	TA9	14,900	BCC	11,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	9.04	8.80	↓ -2.65%	28,422,600
VPB	39.00	39.00	→ 0.00%	25,370,100
ROS	5.27	5.11	↓ -3.04%	22,519,700
VND	33.00	35.30	↑ 6.97%	16,660,500
HQC	6.98	7.38	↑ 5.73%	16,130,400

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	38.00	38.00	→ 0.00%	15,942,254
PVS	30.20	31.20	↑ 3.31%	6,832,512
KLF	4.80	5.20	↑ 8.33%	6,286,026
CEO	54.00	56.50	↑ 4.63%	5,050,899
IDC	65.10	68.70	↑ 5.53%	4,911,555

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DGC	216.00	231.10	15.10	↑ 6.99%
HAX	32.20	34.45	2.25	↑ 6.99%
DXG	37.20	39.80	2.60	↑ 6.99%
DHA	57.30	61.30	4.00	↑ 6.98%
VND	33.00	35.30	2.30	↑ 6.97%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VE4	75.00	82.50	7.50	↑ 10.00%
API	60.10	66.10	6.00	↑ 9.98%
SDG	30.10	33.10	3.00	↑ 9.97%
KDM	34.30	37.70	3.40	↑ 9.91%
POT	33.30	36.60	3.30	↑ 9.91%

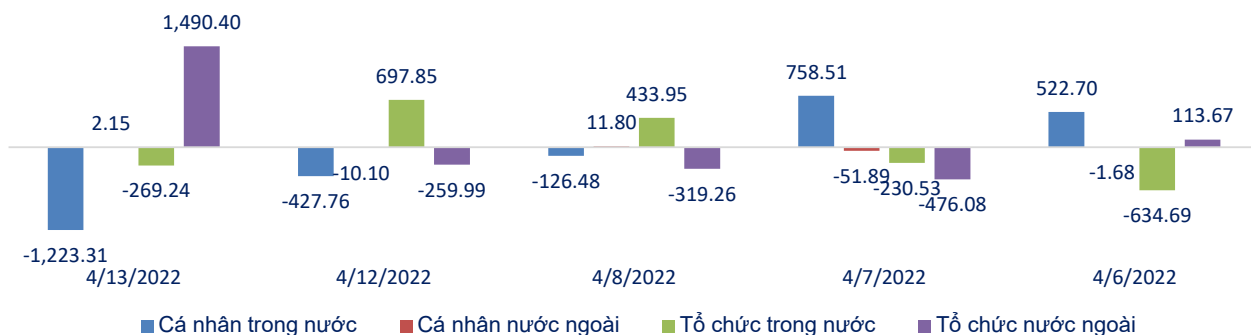
Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PTL	10.35	9.63	-0.72	↓ -6.96%
TSC	18.00	16.75	-1.25	↓ -6.94%
PXI	6.25	5.82	-0.43	↓ -6.88%
DC4	20.40	19.00	-1.40	↓ -6.86%
DTT	14.75	13.75	-1.00	↓ -6.78%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LCD	30.00	27.00	-3.00	↓ -10.00%
THS	21.60	19.50	-2.10	↓ -9.72%
APP	12.50	11.30	-1.20	↓ -9.60%
VXB	32.50	29.50	-3.00	↓ -9.23%
VHL	26.00	23.60	-2.40	↓ -9.23%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)


Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	94.72	45.9%	13,959	15.5	7.2
VHC	40.70	19.9%	6,052	16.2	3.1
VCI	20.78	18.0%	2,082	25.6	2.8
CTD	18.39	0.3%	323	247.3	0.7
SSI	14.79	13.0%	1,346	31.1	3.0

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-287.81	27.3%	6,886	22.2	5.4
NVL	-203.73	8.8%	1,692	50.2	4.0
VIC	-134.19	-1.7%	(650)	-	1.9
GEX	-86.56	7.2%	1,483	22.8	1.4
TCB	-78.60	21.5%	5,148	9.3	1.9

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHC	3.26	19.9%	6,052	16.2	3.1
VRE	3.10	4.4%	578	53.8	2.3
FLC	2.85	0.7%	119	76.0	0.7
TPB	1.82	22.6%	3,207	11.9	1.8
DGW	1.45	44.5%	7,442	17.8	6.6

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CII	-2.38	-4.1%	(1,388)	-	0.9
DXG	-2.03	10.3%	1,938	19.2	1.7
TLH	-1.79	26.0%	4,381	4.0	1.0
HAH	-1.37	27.5%	8,704	10.7	2.4
PHR	-1.34	14.9%	3,512	21.9	3.2

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	165.55	8.8%	1,692	50.2	4.0
HPG	112.62	46.0%	7,708	5.9	2.2
VHM	91.08	35.2%	8,991	8.1	2.4
TCB	78.60	21.5%	5,148	9.3	1.9
VIC	70.55	-1.7%	(650)	-	1.9

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-1,211.16	27.3%	6,886	22.2	5.4
DGC	-43.46	45.9%	13,959	15.5	7.2
CTD	-20.60	0.3%	323	247.3	0.7
DIG	-13.12	15.8%	2,279	34.1	5.1
APH	-9.39	1.1%	236	108.7	1.1

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	1,498.97	27.3%	6,886	22.2	5.4
GEX	87.53	7.2%	1,483	22.8	1.4
VIC	63.97	-1.7%	(650)	-	1.9
GMD	46.77	9.0%	2,031	25.6	2.2
NVL	38.23	8.8%	1,692	50.2	4.0

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-95.07	35.2%	8,991	8.1	2.4
DGC	-51.27	45.9%	13,959	15.5	7.2
HPG	-47.21	46.0%	7,708	5.9	2.2
VHC	-46.68	19.9%	6,052	16.2	3.1
VNM	-31.12	30.3%	5,042	15.2	4.5



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	28,422,600	0.7%	119	76.0	0.7
VPB	25,370,100	3250.0%	2,642	14.8	2.0
ROS	22,519,700	1.6%	168	31.4	0.5
VND	16,660,500	19.6%	899	36.7	1.7
HQC	16,130,400	0.1%	9	800.6	0.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	15,942,254	30.1%	5,707	6.7	1.9
PVS	6,832,512	4.7%	1,258	24.0	1.2
KLF	6,286,026	0.4%	40	118.8	0.5
CEO	5,050,899	2.7%	362	149.2	3.9
IDC	4,911,555	9.6%	1,514	43.0	4.2

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	↑ 7.0%	45.9%	13,959	15.5	7.2
HAX	↑ 7.0%	25.7%	3,331	9.7	2.7
DXG	↑ 7.0%	10.3%	1,938	19.2	1.7
DHA	↑ 7.0%	20.1%	6,129	9.3	2.0
VND	↑ 7.0%	19.6%	899	36.7	1.7

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VE4	↑ 10.0%	5.9%	874	85.8	5.0
API	↑ 10.0%	29.2%	5,673	10.6	3.7
SDG	↑ 10.0%	4.3%	2,032	14.8	0.6
KDM	↑ 9.9%	0.1%	6	5,807.1	3.1
POT	↑ 9.9%	4.0%	682	48.8	2.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	9,387,500	27.3%	6,886	22.2	5.4
GEX	2,444,300	7.2%	1,483	22.8	1.4
GMD	868,600	9.0%	2,031	25.6	2.2
VIC	779,500	-1.7%	(650)	-	1.9
HQC	750,300	0.1%	9	800.6	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	1,149,300	30.1%	5,707	6.7	1.9
PVS	477,400	4.7%	1,258	24.0	1.2
TVD	56,500	19.0%	2,261	7.7	1.4
PVI	29,000	11.2%	3,722	14.0	1.7
TA9	14,900	12.9%	1,579	10.3	1.3

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	389,959	21.6%	4,632	17.8	3.6
VHM	317,869	35.2%	8,991	8.1	2.4
VIC	310,073	-1.7%	(650)	-	1.9
GAS	208,429	17.1%	4,531	24.0	4.0
BID	204,617	12.7%	2,084	19.4	2.4

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	55,335	21.8%	2,805	56.4	8.7
KSF	33,060	9.0%	1,373	80.2	5.5
NVB	21,882	0.0%	3	12,413.8	3.6
IDC	19,530	9.6%	1,514	43.0	4.2
VCS	17,456	40.6%	11,096	9.8	3.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TNI	3.20	-2.8%	(310)	-	0.6
NVT	3.06	-10.5%	(552)	-	3.4
DIG	3.01	15.8%	2,279	34.1	5.1
CII	2.88	-4.1%	(1,388)	-	0.9
FLC	2.73	0.7%	119	76.0	0.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	2.90	7.0%	343	27.4	1.9
CEO	2.55	2.7%	362	149.2	3.9
ART	2.46	3.0%	350	20.6	0.6
KLF	2.21	0.4%	40	118.8	0.5
APS	2.01	62.2%	9,839	2.7	2.2



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiện
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn